TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T C** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2023/DS-ST
Ngày: 16 - 3 - 2023
V/v *Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bé

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Thạch Thị Minh Châu là Thư ký Toà án nhân dân huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện T C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 50/2022/TLST-DS, ngày 14 tháng 10 năm 2022 về "*Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2023/QĐST –DS ngày 23 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Thạch Thị Thanh Tr, sinh năm 1976. (có mặt)
Địa chỉ: Ấp Kinh Xáng, xã Hiếu Tử, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.
- *Bị đơn*: Ông Sơn V, sinh năm 1977 và bà Sơn Thị Sa R, sinh năm 1979; (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp Ô Trôm, xã Hiếu Tử, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án của bà Thạch Thị Thanh Tr là nguyên đơn như sau:

Bà Thạch Thị Thanh Tr có tham gia góp 08 dây hụi mở cùng ngày 23 tháng 3 năm 2020, loại hụi 3.000.000 đồng/phần, gồm các dây hụi: 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, do bà Sơn Thị Sa R và ông Sơn V làm đầu thảo (chủ hụi). Khi góp hụi chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không làm văn bản nhưng đầu thảo có lập danh sách hụi viên, hụi mỗi dây có 16 phần, nửa tháng khui một lần. Đối với từng dây hụi, khi hụi viên hốt hụi có thỏa thuận đầu thảo hưởng huê hồng với số tiền 900.000 đồng. Trong các dây hụi này bà Trâm tham gia mỗi dây 01 phần lấy tên là " 6

Trăm". Các dây hụi này khui đến lần thứ 5 thì bà Sơn Thị Sa R và ông Sơn V đã ngưng khui hụi (úp hụi). Bà Trâm đã đóng hụi (hụi sống) cho bà Sơn Thị Sa R và ông Sơn V với tổng số tiền vốn là 41.610.000 đồng.

Nay bà Trâm vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Sơn Thị Sa R và ông Sơn V phải trả nợ hụi với tổng số vốn là 41.610.000 đồng ở các dây hụi loại 3.000.000 đồng/phần mở cùng ngày 23 tháng 3 năm 2020, gồm các dây hụi: dây 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08. Bà Trâm không yêu cầu tính lãi.

Bà Sơn Thị Sa R là bị đơn vắng mặt nhưng có ý kiến như sau:

Bà Sa R thừa nhận vào ngày 23 tháng 3 năm 2020 bà Sa R có làm đầu thảo loại hụi 3.000.000 đồng/phần gồm các dây hụi: 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, khi góp hụi chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không có làm văn bản, nhưng đầu thảo có giao danh sách hụi viên (danh sách viết tay), trong các dây hụi này bà Thạch Thị Thanh Tr đều có tham gia và lấy tên là "6 Trăm". Do các hụi viên không đóng hụi chết nên bà Sa R đã úp hụi không khui nữa. Đối với các dây hụi này, bà Trâm đã đóng hụi sống với tổng số vốn là 41.610.000 đồng.

Nay bà Sa R đồng ý trả lại tiền hụi sống cho bà Trâm với số tiền vốn là 41.610.000 đồng.

Ông Sơn V là đồng bị đơn vắng mặt và không cung cấp văn bản ghi ý kiến của mình.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát:

Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thu lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng.

Việc chấp hành của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn nhiều lần vắng mặt chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, Điều 39; 91, 92, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Thanh Tr. Buộc bà Sơn Thị Sa R và ông Sơn V phải có trách nhiệm liên đới trả cho cho bà Thạch Thị Thanh Tr số tiền hụi vốn đã đóng bằng 41.610.000 đồng. Do bà Trâm không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

Các đương sự phải chịu án phí và nghĩa vụ chậm thi hành án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Sơn Thị Sa R và ông Sơn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Sơn Thị Sa R và ông Sơn V.

Về quan hệ pháp luật: Bà Thạch Thị Thanh Tr khởi kiện bà Sơn Thị Sa R và ông Sơn V để yêu cầu trả tiền nợ hụi. Xét thấy đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Thạch Thị Thanh Tr yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Sơn Thị Sa R và ông Sơn V phải trả nợ hụi đối với các dây hụi loại 3.000.000 đồng /phần, nửa tháng khui một lần, gồm 16 phần mở cùng ngày 23 tháng 3 năm 2020, gồm các dây hụi: 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08 với số tiền vốn bằng 41.610.000 đồng. Bà Trâm không yêu cầu tính lãi.

Bà Sơn Thị Sa R có lời khai thừa nhận việc bà Trâm có tham gia các dây hụi theo đơn khởi kiện của bà Trâm và bà Trâm đã đóng hụi sống với số tiền 41.610.000 đồng nhưng không đồng ý cùng với ông Sơn V trả nợ cho bà Trâm.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Thanh Tr, Hội đồng xét xử thấy rằng giữa bà Thạch Thị Thanh Tr với bà Sơn Thị Sa R có hợp đồng góp hụi với nhau là có thật, bởi bà Sa R đã có lời khai thừa nhận việc bà Trâm có góp hụi chung đối với các dây hụi mà bà Trâm đã khởi kiện và bà Trâm đã đóng hụi sống với số tiền vốn là 41.610.000 đồng. Xét thấy đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Mặt khác, qua xác minh các hụi viên trong dây hụi như bà Thạch Thị H, bà Thạch Thị U thể hiện bà Thạch Thị Thanh Tr có tham gia góp 08 dây hụi loại loại 3.000.000 đồng /phần, loại nửa tháng khui một lần, gồm 16 phần mở cùng ngày 23 tháng 3 năm 2020, gồm các dây hụi: 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08 do bà Sơn Thị Sa R làm đầu thảo, bà Trâm đã đóng hụi sống cho bà Sa R đến khi úp hụi nhưng chưa được trả lại số tiền này.

[4] Xét thấy bà Sơn Thị Sa R với vai trò là chủ hụi, là người tổ chức, quản lý dây hụi, thu các phần hụi và giao lại cho các thành viên được lĩnh hụi trong mỗi kỳ mở hụi cho tới khi kết thúc dây họ nhưng bà Sơn Thị Sa R ngưng khui hụi khi chưa kết thúc dây hụi là vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi theo quy định tại Điều 18 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về

họ, hụi, biêu, phường. Do đó căn cứ vào Điều 15 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP việc bà Thạch Thị Thanh Tr khởi kiện bà Sơn Thị Sa R để yêu cầu trả nợ hụi là có cơ sở chấp nhận.

Do ông Sơn V, bà Sơn Thị Sa R là vợ chồng, việc góp hụi diễn ra công khai trong một thời gian dài tại nhà ông Vươnl, các hụi viên khẳng định ông Sơn V biết rõ việc góp hụi và không có sự phản đối gì. Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc ông Sơn V, bà Sơn Thị Sa R phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Trâm số tiền nợ 41.610.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 37 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về tiền lãi, do bà Thạch Thị Thanh Tr không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Do bà Thạch Thị Thanh Tr được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Đồng thời căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc ông Sơn V và bà Sơn Thị Sa R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8] Xét quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T C về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, 35, 39,147, 227, 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 471, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 37 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu,miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Thanh Tr. Buộc ông Sơn V và bà Sơn Thị Sa R phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Thạch Thị Thanh Tr số tiền là 41.610.000 đồng đối với các dây hụi loại 3.000.000 đồng/phần, nửa tháng khui một lần, mở cùng ngày 23 tháng 3 năm 2020 (gồm các dây 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ

ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc ông Sơn V và bà Sơn Thị Sa R nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 2.080.500 đồng.

Bà Thạch Thị Thanh Tr không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Thạch Thị Thanh Tr số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.040.250 đồng theo biên lai thu tiền số 0011605 ngày 14/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T C.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND huyện T C;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- CCTHADS huyện T C;
- Đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Tùng